TỔNG HỢP
CÁC CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG ĐANG TRIỂN KHAI
TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

TT	Tên chương trình cho vay	Đối tượng vay vốn	Thời hạn cho vay tối đa	Lãi suất (%/năm)	Mức cho vay tối đa (đồng)
1	Hộ nghèo	Hộ nghèo	10 năm	6,24	100 triệu/hộ
2	Hộ cận nghèo	Hộ cận nghèo	10 năm	7,488	100 triệu/hộ
3	Hộ mới thoát nghèo	Hộ mới thoát nghèo	05 năm	7,8	100 triệu/hộ
4	Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	- HSSV mồ côi cả cha lẫn mẹ, hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động; - HSSV là thành viên hộ gia đình thuộc: hộ nghèo; hộ cận nghèo; hộ có mức sống trung bình; hộ gặp khó khăn về tài chính; - Người có đất thu hồi; - HSSV y khoa có hoàn cảnh khó khăn sau khi đã tốt nghiệp, trong thời gian thực hành tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để được cấp chứng chỉ hành nghề.	- Loại hình đào tạo đến 1 năm: 3 lần thời hạn phát tiền vay +12 tháng. - Loại hình đào tạo trên 1 năm: 2 lần thời hạn phát tiền vay +12 tháng. (Thời hạn phát tiền vay: tính từ khi người vay nhận món vay đầu tiên đến ngày sinh viên kết thúc khóa học)	6,24	4 triệu/tháng/ sinh viên

TT	Tên chương trình cho vay	Đối tượng vay vốn	Thời hạn cho vay tối đa	Lãi suất (%/năm)	Mức cho vay tối đa (đồng)
5	Học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán	Học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh là công dân Việt Nam đang theo học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (theo quy định tại Quyết định 29/2025/QĐ-TTg) tại các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam (sau đây gọi chung là người học)	Thời hạn cho vay bao gồm: thời hạn giải ngân vốn vay, thời gian kể từ ngày người học kết thúc khóa học đến khi bắt đầu trả khoản nợ vay đầu tiên và thời hạn trả nợ.	4,8	a) Toàn bộ tiền học phí phải đóng của người học (sau khi trừ các khoản học bổng và hỗ trợ tài chính khác của nhà trường nếu có) theo xác nhận của nhà trường. b) Tiền sinh hoạt phí và chi phí học tập khác tối đa là 5 triệu đồng/tháng.
6	Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm	Người lao động	10 năm	7,9248	200 triệu/ lao động
		Người lao động là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo; người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo đang sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người khuyết tật; người lao động trong hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng; người lao động nhận nuôi dưỡng,		6,24	

TT	Tên chương trình cho vay	Đối tượng vay vốn	Thời hạn cho vay tối đa	Lãi suất (%/năm)	Mức cho vay tối đa (đồng)
		chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng.			
		Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh.		7,9248	10 tỷ/dự án và không quá 200 triệu đồng/01 người lao động
		Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên thuộc ít nhất một trong các đối tượng sau: người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người đã chấp hành xong án phạt tù, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.		6,24	

TT	Tên chương trình cho vay	Đối tượng vay vốn	Thời hạn cho vay tối đa	Lãi suất (%/năm)	Mức cho vay tối đa (đồng)
7	Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	Hộ gia đình cư trú tại vùng nông thôn, chưa có công trình cấp nước, công trình vệ sinh hoặc đã có nhưng bị hư hỏng cần phải xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa.	5 năm	8,4	25 triệu/công trình
8	Ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân; xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	- Người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ thuộc trường hợp được hỗ trợ cải thiện nhà ở theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng. - Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn. - Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu. - Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị. - Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị. - Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp. - Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng	25 năm	5,4	80% giá trị hợp đồng mua, thuê mua 70% giá trị dự toán xây mới, sửa chữa, tối đa 01 tỷ đồng và không vượt quá 70% giá trị tài sản bảo đảm

TT	Tên chương trình cho vay	Đối tượng vay vốn	Thời hạn cho vay tối đa	Lãi suất (%/năm)	Mức cho vay tối đa (đồng)
		vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác. - Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.			
9	Hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Thời hạn hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, không bao gồm thời gian gia hạn hợp đồng.	7,9248	100% tổng chi phí khách hàng phải trả trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài ký kết giữa khách hàng và doanh nghiệp, không bao gồm các khoản chi đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP.
		- Người lao động là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo. - Người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo đang sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định.		6,24	

TT	Tên chương trình cho vay	Đối tượng vay vốn	Thời hạn cho vay tối đa	Lãi suất (%/năm)	Mức cho vay tối đa (đồng)
		- Đối tượng khác do Chính phủ quyết định căn cứ tình hình kinh tế - xã hội và yêu cầu cho vay vốn giải quyết việc làm.			
10	Ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS	- Người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS	05 năm 04 tháng	7,9248	100 triệu/người lao động
		- Người lao động là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo. - Người lao động người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo đang sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định. - Người lao động là người có đất thu hồi theo quy định tại Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg.”		6,24	

TT	Tên chương trình cho vay		Đối tượng vay vốn	Thời hạn cho vay tối đa	Lãi suất (%/năm)	Mức cho vay tối đa (đồng)
11	Người chấp hành xong án phạt tù		Người chấp hành xong án phạt tù (CHXAPT)	- Đào tạo nghề: + Loại hình đào tạo đến 1 năm: 3 lần thời hạn phát tiền vay. + Loại hình đào tạo trên 1 năm: 2 lần thời hạn phát tiền vay - Sản xuất kinh doanh: 10 năm	6,24	- Đào tạo nghề: 04 triệu/tháng/người CHXAPT - Sản xuất kinh doanh: 100 triệu/ người CHXAPT
			Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh có sử dụng tối thiểu là 10% tổng số lao động là người CHXAPT			02 tỷ/dự án và không quá 100 triệu/lao động
12	Hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn		Các hộ gia đình thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực mà pháp luật không cấm tại vùng khó khăn	Ngắn hạn, trung hạn và dài hạn	7,8	100 triệu/hộ
13	Thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn		Thương nhân (bao gồm: tổ chức kinh tế, cá nhân hoạt động thương mại có đăng ký kinh doanh) hoạt động thương mại thường xuyên tại vùng khó khăn.	5 năm	7,8	100 triệu/cá nhân
						01 tỷ/tổ chức
14	Phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Nghị	Đất ở	Hộ nghèo dân tộc thiểu số; hộ nghèo dân tộc Kinh cư trú hợp pháp tại xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi	15 năm	3	50 triệu/hộ
		Nhà ở				40 triệu/hộ
		Đất sản xuất		10 năm	3,12	77,5 triệu/hộ
		Chuyển đổi nghề		10 năm	3,12	100 triệu /hộ

TT	Tên chương trình cho vay		Đối tượng vay vốn	Thời hạn cho vay tối đa	Lãi suất (%/năm)	Mức cho vay tối đa (đồng)
	định 28/2022/ NĐ-CP	Phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	Hộ nghèo	10 năm	3,12	100 triệu/hộ
			Hộ cận nghèo		3,744	
			Doanh nghiệp, hợp tác xã có 70% người lao động là người dân tộc thiểu số	05 năm	3,96	02 tỷ/khách hàng
		Phát triển vùng dược liệu quý	Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hợp tác xã, hộ gia đình và tổ chức hoạt động SXKD hoạt động tại các địa bàn đặc biệt khó khăn vùng DTTS&MN, sử dụng từ 50% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số	10 năm	3,96	45% tổng mức đầu tư và không vượt quá 96 tỷ/ 01 dự án vùng trồng dược liệu quý và 92 tỷ/01 dự án trung tâm nhân giống; 100 triệu/hộ
15	Dự án KFW		Doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động kinh doanh tại Việt Nam	5 năm	9	01 tỷ/doanh nghiệp
16	Nhà ở vùng thường xuyên ngập lũ ở đồng bằng Sông Cửu Long		Hộ gia đình có tên trong danh sách được UBND cấp tỉnh, huyện phê duyệt	10 năm	3	40 triệu/hộ
17	Dự án phát triển lâm nghiệp (WB)		Hộ gia đình tham gia trồng, chăm sóc rừng trồng của dự án	15 năm	6,24	25 triệu/ha

TT	Tên chương trình cho vay	Đối tượng vay vốn	Thời hạn cho vay tối đa	Lãi suất (%/năm)	Mức cho vay tối đa (đồng)
18	Dự án mở rộng tiếp cận tài chính cho người khuyết tật, cho vay quy mô nhỏ cho các cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng, phục vụ hoặc do người khuyết tật làm chủ (NIPPON)	Doanh nghiệp nhỏ và vừa do người khuyết tật làm chủ/ thuê lao động là người khuyết tật/ sản xuất các sản phẩm và dịch vụ cho người khuyết tật	5 năm	6,24	- Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh: 01 tỷ - Hộ gia đình: 50 triệu
		Hộ kinh doanh do người khuyết tật làm chủ/ có thành viên là người khuyết tật/ thuê lao động là người khuyết tật/ sản xuất các sản phẩm và dịch vụ cho người khuyết tật			
19	Người sau cai nghiện ma túy	Người sau cai nghiện ma túy	- Đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng: 2 lần thời hạn phát tiền vay. - Sản xuất kinh doanh: 10 năm	6,24	- Đào tạo nghề: 04 triệu/tháng/người sau cai nghiện ma túy - Sản xuất kinh doanh: 200 triệu/ người CHXAPT
		Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh có sử dụng lao động là người sau cai nghiện ma túy			02 tỷ/dự án và không quá 200 triệu/lao động